

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020	31/12/2019	40	40	Quyết định số 3994/QĐ-UBND
2	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2020	05/5/2020	29	29	Quyết định số 1003/QĐ-UBND
3	Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020	11/3/2020	28	28	Quyết định số 489/QĐ-UBND
4	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của tỉnh năm 2020	18/02/2020	Rà soát tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố	100%	Quyết định số 381/QĐ-UBND
5	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị	05/5/2020	29	29	Kết hợp kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tỉnh năm 2020
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020	11/12/2019	20 nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đã thực hiện 18/20 nội dung kế hoạch (Ghi chú: Nội dung	Quyết định số 3706/QĐ-UBND

Stt	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
				bồi dưỡng lãnh đạo cấp huyện và lớp CVCC không thực hiện do không có nhu cầu phát sinh; lớp của Đề án 124 không triển khai do tình hình dịch bệnh Covid-19)	
7	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2020	0701/2020	165 cơ quan, đơn vị	165 cơ quan, đơn vị	Kế hoạch 162/KH-UBND

PHỤ LỤC 2**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	29	11	08	10	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	29	11	08	10	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	165	21	8	136	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	18	11	07	0	
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	29	11	08	10	
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	31	22	9		(bao gồm huyện đảo Trường Sa) và tính cả VP HĐND tỉnh
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	583	77	506		- Cấp tỉnh: 20 đơn vị sự nghiệp y tế chưa phê duyệt VTVL vì chưa có hướng dẫn của TƯ; 20 đơn vị tự chủ; - Cấp huyện: 14

						ĐVSN tự chủ
8	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	31	22	9		(bao gồm huyện đảo Trường Sa)
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	583	77	506		
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	668	100%	100%	100%	Tính tổng cơ quan hành chính và ĐVSN ở trên
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	668	100%	100%	100%	Tính tổng cơ quan hành chính và ĐVSN ở trên
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	205	55	150		
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130	205	55	150		
14	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	205	55	150		
15	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43	583	77	506		
16	Số đơn vị sự nghiệp ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	583	77	506		
17	Số đơn vị sự nghiệp ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	583	77	506		
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo Nghị định 115	2	2			

19	Số tổ chức khoa học và công nghệ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	2	2			
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	2	2			
21	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	197	53	08	136	
22	Số cơ quan sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	165	21	8	136	
23	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (trang) thông tin điện tử	29	21	8		
24	Số lĩnh vực, quy trình công việc được cấp chứng chỉ ISO	2.142	1.686	277	179	
25	Số lĩnh vực, quy trình công việc thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	2.142	1.686	277	179	
26	Số thủ tục hành chính áp dụng cơ chế một cửa	1.649				
27	Số thủ tục hành chính áp dụng cơ chế một cửa liên thông	493				
28	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	136			136	100%
29	Số đơn vị cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	136			136	100%
30	Số xã thực hiện mô hình một cửa hiện đại	136			136	100%

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh)

Số T T	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	166	22	08	136	20 sở, BQL KKT Vân Phong và VP HĐND tỉnh
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	637	117	520		Đã bao gồm 02 ĐVSN của Sở Khoa học và công nghệ
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)	12	12	0		

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh)

Số T T	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử	2.142	1.686	277	179	100%	
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	1.649				100%	
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	493				100%	

11-10-2020 10:00:00

PHỤ LỤC 5
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/ Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng giải quyết hồ sơ không đồng bộ giữa hồ sơ giấy với hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử. - Việc thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, yêu cầu của cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. - Công khai thông tin đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, mặt sau Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Công tác phối hợp giữa các cơ quan, cấp, ngành trong xây dựng thể chế, chính sách. - Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC 	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều đã xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	100%	

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/ Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành và công tác chuyên môn. - Công tác quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý. - Việc xây dựng tiêu chí đánh giá, xếp hạng CCHC các đơn vị thuộc và trực thuộc vẫn chưa sát với thực tế thực hiện của các đơn vị được đánh giá 			
2	Số phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	19	18	94,74% (18/19)	01 phản ánh, kiến nghị đang xử lý (Trong hạn)
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung: Quy chế làm việc, Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các Quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan cũng như giữa các cơ quan có liên quan để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao	Vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều đã xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	100%	

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/ Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại địa phương	03	Tất cả các vấn đề phát hiện đã được xử lý	100%	
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương	03	Tất cả các vấn đề phát hiện đã được xử lý	100%	
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở địa phương	100%		100%	
7	Số văn bản quy phạm pháp luật được tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương (tổng số các văn bản của các ngành, lĩnh vực)	24	24	100%	
8	Số văn bản quy phạm pháp luật thực hiện tại địa phương được kiểm tra (tổng số các văn bản của các ngành, lĩnh vực)	29	29	100%	
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại	03	03	100%	

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/ Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
	địa phương				

Phụ lục 6

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1.	Số lượng công chức cấp xã	1.320	100%	
2.	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	2.716	96,7%	Số liệu tiếp tục cập nhật theo báo cáo chấm điểm cchc của các huyện, thị xã, thành phố.

BIẾN ĐỘNG VỀ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Cơ quan, đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Tăng, giảm	Ghi chú
I	SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG	252	241	-11	
1.	Sở Nội vụ	7	6	-1	Kiện toàn tổ chức, giảm 01 phòng so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	5	-1	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
2.	Ban Dân tộc	5	3	-2	Kiện toàn tổ chức, giảm 02 phòng so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	3	-2	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	0	0	0	
3.	Sở Công Thương	10	7	-3	Kiện toàn tổ chức, giảm 03 phòng so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	9	6	-3	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
4.	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	38	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	7	0	Kiện toàn tổ chức
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	31	31	0	
5.	Sở Giao thông vận tải	7	7	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
					Kiện toàn tổ chức, giảm 02 phòng

0.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	8	-2	so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	9	7	-2	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
7.	Sở Khoa học và Công nghệ	7	7	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	0	Kiện toàn tổ chức
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	2	2	0	
8.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	23	23	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	7	0	Kiện toàn tổ chức
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	16	16	0	
9.	Sở Ngoại vụ	5	4	-1	Kiện toàn tổ chức, giảm 01 phòng so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	4	-1	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	0	0	0	
10.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19	19	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	13	13	0	
11.	Sở Du lịch	5	5	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	4	4	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
12.	Sở Tài chính	7	7	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	7	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	0	0	0	
13.	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	9	-2	Kiện toàn tổ chức, giảm 02 phòng so với 2019
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	5	-2	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	4	4	0	
14.	Sở Thông tin và Truyền thông	7	7	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	0	Kiện toàn tổ chức

-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	2	2	0	
15.	Sở Tư pháp	13	13	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	7	7	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	6	6	0	
16.	Sở Văn hóa và Thể thao	13	13	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	5	5	0	Kiện toàn tổ chức
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	8	8	0	Kiện toàn tổ chức
17.	Sở Xây dựng	9	9	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	8	8	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
18.	Sở Y tế	32	32	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	26	26	0	
19.	Thanh tra tỉnh	6	6	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	0	Kiện toàn tổ chức
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	0	0	0	
20.	Văn phòng UBND tỉnh	11	11	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	9	9	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	2	2	0	
21.	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân phong	7	7	0	
-	Số lượng phòng chuyên môn	6	6	0	
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	1	1	0	
II	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	614	614		
1.	Huyện Cam Lâm	64	64		
-	Số lượng phòng chuyên môn	13	13		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	51	51		
2.	Huyện Vạn Ninh	71	71		
-	Số lượng phòng chuyên môn	12	12		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	59	59		
3.	Huyện Diên Khánh	71	71		



-	Số lượng phòng chuyên môn	12	12		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	59	59		
4.	Huyện Khánh Vĩnh	61	61		
-	Số lượng phòng chuyên môn	13	13		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	48	48		
5.	Huyện Khánh Sơn	43	43		
-	Số lượng phòng chuyên môn	13	13		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	30	30		
6.	Thị xã Ninh Hòa	108	108		
-	Số lượng phòng chuyên môn	13	13		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	95	95		
7.	Thành phố Cam Ranh	71	71		
-	Số lượng phòng chuyên môn	13	13		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	58	58		
8.	Thành phố Nha Trang	125	125		
-	Số lượng phòng chuyên môn	12	12		
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp	113	113		
Tổng		866	855	-11	